

Bản án số: **20** /2021/DS-ST

Ngày 08-7-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Thế Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS, ngày 24/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2021/QĐST-DS, ngày 17/6/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) SGTT;** Địa chỉ: Số C, đường Nam Kỳ Khởi N, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số 3961/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

*Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh H:* Ông Nguyễn Đức Th – chức vụ: Phó phòng giao dịch Cư Jút, thuộc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 77A/2021/GUQ-CNĐNO ngày 22/3/2021)

**- Bị đơn:** Ông **Hồ Nhật T**, sinh năm 1987

**Bà Tống Thị Hoàng O**, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn Phú L, xã Đắk N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.  
(Ông T, bà O vắng mặt lần thứ 2 không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 nộp trực tiếp tại Tòa án quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn – ông Nguyễn Đức Th trình bày:*

- Ngày 15/05/2019, ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O có vay của Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019, Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019; số tiền vay: 60.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/05/2020.

- Ngày 17/05/2019 bà Tống Thị Hoàng O có vay của Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút - Theo Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019, Giấy nhận nợ số 01/LD1913500362 ngày 17/05/2019; số tiền vay: 30.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 17/05/2020.

Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019, bên vay đã thế chấp:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 034432 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00412, do UBND huyện Krông Nô, cấp ngày 31/12/2013, cấp cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O; thửa đất số: 37, tờ bản đồ số: 20; địa chỉ thửa đất: Xã Đắk N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 034431 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00411, do UBND huyện Krông Nô, cấp ngày 31/12/2013 cấp cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O; thửa đất số: 36, tờ bản đồ số: 20; địa chỉ thửa đất: Xã Đắk N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 198/17/TCKN ngày 02/08/2017, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/198/17/TCKN ngày 07/08/2018 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/198/17/TCKN ngày 15/5/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn, ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O thường xuyên không thanh toán gốc lãi đúng hạn cho Ngân hàng.

Theo Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019, ông T và bà O phải thanh toán số tiền đến hạn theo phân kỳ trả nợ ngày 15/5/2020 là 67.158.112 đồng (trong đó: tiền gốc: 60.000.000 đồng, tiền lãi: 7.158.112 đồng) nhưng ông T và bà O không thanh toán.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông T và bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng TMCP SGTT đã thông báo, đồng thời cũng tạo điều kiện về thời gian để khách hàng trả nợ. Tuy nhiên, đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu cụ thể đối với bị đơn:

- Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 80.305.620 đồng (tính đến ngày xét xử 08/7/2021) của Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019, trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 15.374.002 đồng; lãi phạt quá hạn là 4.931.618 đồng;

- Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu bà Tống Thị Hoàng O phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn lại là 21.962.580 đồng (tính đến ngày xét xử 08/7/2021) của Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019, trong đó nợ gốc còn lại là 15.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 5.035.110 đồng; lãi phạt quá hạn là 1.927.470 đồng.

- Trường hợp ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O, tuy nhiên ông T và bà O không chấp hành giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần 1 và phiên tòa lần thứ 2.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 80.305.620 của Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019, trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 15.374.002 đồng; lãi phạt quá hạn là 4.931.618 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2021.

- Buộc bà Tống Thị Hoàng O phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn lại là 21.962.580 đồng của Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019, trong đó nợ gốc còn lại là 15.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 5.035.110 đồng; lãi phạt quá hạn là 1.927.470 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/7/2021.

Kể từ ngày 09/7/2021, ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019 và bà Tống Thị Hoàng O tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019. Trường hợp ông T và bà O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có

quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O do vi phạm các hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào ngày 15/5/2019 và 17/5/2019, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng phục vụ đời sống. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O có địa chỉ tại thôn Phú L, xã Đắc N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[2]. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O. Tuy nhiên ông T không đến Tòa án để làm việc, bà O và ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O vắng mặt lần 2, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019, Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019; số tiền vay: 60.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/05/2020. Thời điểm Nguyên đơn giải ngân cho bị đơn thì lãi suất cho vay 01 tháng đầu tiên là 12%/năm; Lãi suất kể từ tháng thứ 2 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 5.1%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần; Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGTT và bên vay là ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều

12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hồ Nhật T và bà Tổng Thị Hoàng O không trả được nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử 08/7/2021, bị đơn còn nợ của Nguyên đơn số tiền gốc: 60.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng là 15.374.002 đồng; lãi phạt quá hạn là 4.931.618 đồng. Vì vậy Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Nhật T và bà Tổng Thị Hoàng O phải trả nợ gốc và lãi là có căn cứ cần chấp nhận. Bị đơn ông Hồ Nhật T và bà Tổng Thị Hoàng O phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng, lãi phạt quá hạn là 80.305.620 đồng.

[4]. Xét Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019, Giấy nhận nợ số 01/LD1913500362 ngày 17/05/2019; Số tiền vay: 30.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 17/05/2020. Thời điểm Nguyên đơn giải ngân cho bị đơn thì lãi suất cho vay 01 tháng đầu tiên là 20.5%/năm; Lãi suất kể từ tháng thứ 2 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ + Biên độ 13.6%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần; Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGT-T và bên vay là bà Tổng Thị Hoàng O. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Tổng Thị Hoàng O không trả được nợ theo thỏa thuận, bị đơn đã trả nợ gốc của hợp đồng 15.000.000 đồng và lãi của kỳ đầu, số tiền gốc còn lại 15.000.000 đồng và lãi phát sinh đến hạn bà Oanh không trả hết nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử 08/7/2021, bị đơn còn nợ của Nguyên đơn số tiền gốc: 15.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng là 5.035.110 đồng; lãi phạt quá hạn là 1.927.470 đồng. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Tổng Thị Hoàng O phải trả nợ gốc và lãi là có căn cứ cần chấp nhận. Bị đơn bà Tổng Thị Hoàng O phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng, lãi phạt quá hạn là 21.962.580 đồng.

[5]. Ông Hồ Nhật T và bà Tổng Thị Hoàng O phải tiếp tục chịu thêm lãi suất phát sinh từ ngày 09/7/2021 theo Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ trên.

[6]. Bà Tổng Thị Hoàng O phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 09/7/2021, theo Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1913500362 ngày 17/05/2019 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ trên.

[7]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp số 198/17/TCKN ngày 02/08/2017, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/198/17/TCKN ngày 07/08/2018 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/198/17/TCKN

ngày 15/5/2019, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 034432 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00412, do UBND huyện Krông Nô, cấp ngày 31/12/2013, cấp cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O; Thửa đất số: 37, tờ bản đồ số: 20; Địa chỉ thửa đất: Thôn Phú Tân, xã Đăk Nang, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 034431 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00411, do UBND huyện Krông Nô, cấp ngày 31/12/2013 cấp cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O; Thửa đất số: 36, tờ bản đồ số: 20; Địa chỉ thửa đất: Thôn Phú T, xã Đăk N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Việc thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô theo đúng quy định.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2021 thể hiện: Thửa đất số 36; tờ bản đồ số 20 trùng khớp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 034431 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00411, do UBND huyện Krông Nô, cấp ngày 31/12/2013 mang tên ông Hồ Bá H và bà Trần Thị Minh H (đã tặng cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O). Trên đất không có tài sản.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2021 thể hiện: Thửa đất số 37; tờ bản đồ số 20 trùng khớp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 034432 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00412, do UBND huyện Krông Nô, cấp ngày 31/12/2013 mang tên ông Hồ Bá Hiệp và bà Trần Thị Minh Huệ (đã tặng cho ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O). Trên đất không có tài sản.

Xét thấy việc ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O thế chấp Quyền sử dụng đất nói trên và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019, vì vậy trường hợp ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiền hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[9]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.500.000 đồng theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.500.000 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[10]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên Nguyên đơn không phải chịu án dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải chịu số tiền 4.015.000 đồng ( $80.305.620 \text{ đồng} \times 5\% = 4.015.000 \text{ đồng}$  {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Tống Thị Hoàng O phải chịu số tiền 1.098.000 đồng ( $21.962.580 \text{ đồng} \times 5\% = 1.098.000 \text{ đồng}$  {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 2.216.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (Người nộp tiền Nguyễn Đức Th) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003962 ngày 18/11/2020.

[11]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 410; Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT.

- Buộc bị đơn ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019 là 80.305.620 đồng (*Tám mươi triệu ba trăm lẻ năm nghìn sáu trăm hai mươi đồng*); (trong đó: nợ gốc là 60.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng là 15.374.002 đồng; lãi phạt quá hạn là 4.931.618 đồng), tính đến ngày xét xử 08/7/2021.

- Buộc bị đơn bà Tống Thị Hoàng O phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương Mại Cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1913500362 ngày 17/05/2019, tính đến ngày xét xử 08/7/2021 là 21.962.580 đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng*); (trong đó: nợ gốc còn lại là

15.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 5.035.110 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 1.927.470 đồng).

Kể từ ngày 09/7/2021, ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019; bà Tống Thị Hoàng O phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1913500362 ngày 17/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1913500362 ngày 17/05/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

Trường hợp ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 198/17/TCKN ngày 03/08/2017, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/198/17/TCKN ngày 07/08/2018 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/198/17/TCKN ngày 15/5/2019, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Không Nô đối với Hợp đồng tín dụng số LD1913300883 ngày 15/05/2019 kèm Giấy nhận nợ số LD1913300885 ngày 15/05/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng, ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải chịu số tiền. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.500.000 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

3. Án phí dân sự: Buộc bị đơn ông Hồ Nhật T và bà Tống Thị Hoàng O phải chịu số tiền 4.015.000 đồng {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Tống Thị Hoàng O phải chịu số tiền 1.098.000 đồng {làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 2.216.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (Người nộp tiền Nguyễn Đức Th) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Không Nô theo biên lai số 0003962 ngày 18/11/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng*



*chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THA.DS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Phan Xuân Hoàng**